TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**
Số: 147/2020/QĐST-HNGĐ	*Châu Thành, ngày 03 tháng 6 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

Căn cứ vào Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 210/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*:

- **Huỳnh Thị Diễm C**, sinh năm: 1978.
Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Bến Tre.
- Anh **Đặng Ngọc P**, sinh năm: 1974.
Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện D, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Đặng Ngọc P và chị Huỳnh Thị Diễm C tự nguyện kết hôn vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện D, tỉnh Bến Tre. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không phù hợp. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn nên chúng tôi đã sống ly thân từ 2017 đến nay. Nay, anh P và chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không thể tồn tại nên yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị. Xét thấy, sự thỏa thuận của anh chị hoàn toàn tự nguyện không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn của anh P và chị C.

[2] Về con chung: Anh P và chị C có 02 con chung tên Đặng Huỳnh Phú Q, sinh ngày: 07/4/2002 và Đặng Hưng T, sinh ngày: 09/8/2015. Cháu Q đã trưởng thành. Sau khi ly hôn anh chị thỏa thuận chị C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu cháu T cho đến khi tròn 18 tuổi. Ghi nhận chị C không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Anh P và chị C tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh P và chị C khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm chị C tự nguyện chịu là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Ngọc P và chị Huỳnh Thị Diễm C thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh P và chị C có 02 con chung tên Đặng Huỳnh Phú Q, sinh ngày: 07/4/2002 và Đặng Hưng T, sinh ngày: 09/8/2015. Cháu Q đã trưởng thành. Sau ly hôn chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng nuôi cháu T cho đến khi tròn 18 tuổi. Ghi nhận chị C không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung không bên nào được cản trở. Vì lợi ích của con một hoặc hai bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh P và chị C tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

- Về nợ chung: Anh P, chị C khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị C tự nguyện chịu là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng. Do chị C đã nộp số tiền tạm ứng lệ phí là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng nên được khấu trừ theo biên lai số 0009986 ngày 14/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D. Chị C đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thúy Hằng

***** Nơi nhận **:**
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- UBND xã An Khánh, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ.